

CÔNG TY CỔ PHẦN  
SƠN HÀ SÀI GÒN

Số: 54/2020/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp  
nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ  
Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-028) 37100101

Fax : (84-028) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí  
Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính soát xét hợp nhất sáu tháng đầu năm 2020 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét sáu tháng đầu năm 2020 về các chỉ tiêu trước và sau kiểm toán .

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/08/2020 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 30/06/2020**



---

*Tháng 08 năm 2020*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/07/2020
Ông Lê Hoàng Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2020
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/07/2020
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/07/2020

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

**Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Bổ nhiệm ngày 17/07/2020
Bà Ngô Thị Thanh Lan	Miễn nhiệm ngày 17/07/2020

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Ngô Thị Thanh Lan**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Nguyễn Minh Long**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy ĐKHN kiểm toán số: 0666-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30/06/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>659.816.167.268</b>	<b>618.552.567.535</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	51.336.287.728	62.232.700.634
Tiền	111		51.336.287.728	62.232.700.634
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		289.531.023.650	267.632.658.862
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	288.050.071.897	263.180.426.221
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		985.050.708	3.740.752.141
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.639.087.522	2.441.984.965
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8	(2.148.126.478)	(1.735.444.466)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	5	315.519.815.944	286.342.753.566
Hàng tồn kho	141		316.910.725.035	286.342.753.566
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.390.909.091)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.429.039.946	2.344.454.473
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.579.664.091	1.677.460.456
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.692.846.962	444.090.440
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	156.528.893	222.903.577
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>168.881.128.559</b>	<b>188.895.589.990</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		408.460.684	408.460.684
Phải thu dài hạn khác	216	8	408.460.684	408.460.684
Tài sản cố định	220		133.521.116.626	137.370.772.239
Tài sản cố định hữu hình	221	9	85.094.011.605	88.136.435.397
- Nguyên giá	222		155.911.821.405	153.812.387.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.817.809.800)	(65.675.952.008)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	3.059.047.618	3.310.476.190
- Nguyên giá	225		3.520.000.000	3.520.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(460.952.382)	(209.523.810)
Tài sản cố định vô hình	227	11	45.368.057.403	45.923.860.652
- Nguyên giá	228		55.124.134.444	55.056.680.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.756.077.041)	(9.132.819.792)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.128.820.973	45.701.548.246
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	31.128.820.973	45.701.548.246
Tài sản dài hạn khác	260		3.822.730.276	5.414.808.821
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	3.273.112.145	5.333.644.624
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		549.618.131	81.164.197
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>828.697.295.827</b>	<b>807.448.157.525</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>461.899.486.963</b>	<b>439.989.180.097</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>455.177.331.331</b>	<b>429.777.906.658</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	45.455.676.785	33.286.782.027
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.463.824.962	3.234.173.683
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.937.710.590	3.376.985.730
Phải trả người lao động	314		7.733.785.745	6.685.060.751
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	7.658.636.384	6.650.543.186
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	9.545.495.334	276.236.326
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	376.352.175.699	374.546.646.501
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.030.025.832	1.721.478.454
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.722.155.632</b>	<b>10.211.273.439</b>
Phải trả dài hạn khác	337	14	275.919.000	299.738.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	6.446.236.632	9.911.535.439
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>366.797.808.865</b>	<b>367.458.977.428</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>366.797.808.865</b>	<b>367.458.977.428</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		303.371.200.000	303.371.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		303.371.200.000	303.371.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.175.510.997	10.324.226.729
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.501.097.868	54.013.550.699
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.476.583.053	23.158.812.897
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.024.514.815	30.854.737.802
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>828.697.295.828</b>	<b>807.448.157.525</b>



Ngô Thị Thanh Lan  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	449.559.955.560	386.265.854.172
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	23.193.360.751	16.213.350.397
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		426.366.594.809	370.052.503.775
Giá vốn hàng bán	11	21	359.775.195.429	310.493.319.271
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.591.399.380	59.559.184.504
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.472.933.365	1.435.348.413
Chi phí tài chính	22	23	13.548.835.139	12.638.083.972
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.182.998.019	12.428.635.224
Chi phí bán hàng	25	24	31.905.010.386	26.061.272.256
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	12.405.411.090	10.115.967.690
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.205.076.130	12.179.208.999
Thu nhập khác	31	25	742.612.720	1.280.550.930
Chi phí khác	32	26	764.456.781	69.706.656
Lợi nhuận khác	40		(21.844.061)	1.210.844.274
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.183.232.069	13.390.053.273
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.627.171.188	2.183.072.566
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(468.453.934)	(87.190.652)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.024.514.815	11.294.171.359
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.024.514.815	11.294.171.359
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	297	405
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	283	369



Ngô Thị Thanh Lan  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.183.232.069	13.390.053.273
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		6.710.940.906	7.016.981.119
Các khoản dự phòng	03		1.803.591.103	24.337.716
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		701.310.500	(60.032.786)
Chi phí lãi vay	06		13.182.998.019	12.428.635.224
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>		<b>32.582.072.597</b>	<b>32.799.974.546</b>
<b>trước thay đổi vốn lưu động</b>				
(Tăng) các khoản phải thu	09		(23.481.112.724)	(11.337.491.832)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(15.995.244.198)	4.125.349.244
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.393.201.698	5.179.203.258
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		2.158.328.844	(4.534.439.537)
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.347.322.749)	(12.385.979.809)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.517.478.175)	(2.361.689.476)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>(6.207.554.707)</b>	<b>11.484.926.394</b>
<b>kinh doanh</b>				
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.036.559.376)	(6.984.789.918)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		251.818.182	300.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.904.111	87.305.513
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu</b>	<b>30</b>		<b>(2.745.837.083)</b>	<b>(6.597.484.405)</b>
<b>tu</b>				

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		404.515.887.821	324.185.172.122
Tiền trả nợ gốc vay	34		(405.910.731.114)	(327.410.733.969)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(264.926.316)	(51.626.666)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(283.251.507)	(252.279.452)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.943.021.116)</b>	<b>(3.529.467.965)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10.896.412.906)	1.357.974.023
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	62.232.700.634	29.793.062.935
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	51.336.287.728	31.151.036.958



Ngô Thị Thanh Lan  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 05 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 303.371.200.000 đồng (Ba trăm lẻ ba tỷ ba trăm bảy mươi một triệu hai trăm ngàn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2016, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Điện thoại : (84-8) 3710 0101  
Fax : (84-8) 6251 9574  
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 81, đường 21/4, ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty có 286 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2019 là 299 nhân viên).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam	100%	100%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2019.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.8 THUÊ TÀI SẢN**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản***

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Chi phí quảng cáo, thuê nhà***

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

**3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.14 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.17 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.467.425.923	3.058.232.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.868.861.805	59.174.467.802
	<b>51.336.287.728</b>	<b>62.232.700.634</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	3.509.354.773	-	9.501.211.075	-
Nguyên liệu, vật liệu	140.892.422.285	-	124.352.607.946	-
Công cụ, dụng cụ	131.400.053	-	178.772.433	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.205.271.891	-	13.274.647.355	-
Thành phẩm	47.859.612.612	-	51.403.770.632	-
Hàng hóa	117.312.663.422	(1.390.909.091)	87.631.744.124	-
	<b>316.910.725.035</b>	<b>(1.390.909.091)</b>	<b>286.342.753.566</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.579.664.091</b>	<b>1.677.460.456</b>
- Chi phí trả trước về thuê kho	764.400.000	584.160.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	157.414.401	266.730.616
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	657.849.690	826.569.840
<b>Dài hạn</b>	<b>3.273.112.145</b>	<b>5.333.644.624</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	631.357.122	1.240.809.943
- Chi phí sửa chữa	349.814.392	341.509.893
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam	81.000.000	108.000.000
- Chi phí mua bảo hiểm	13.133.466	17.265.192
- Các khoản khác	2.197.807.165	3.626.059.596
	<b>4.852.776.236</b>	<b>7.011.105.080</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>288.050.071.897</b>	<b>(1.748.126.478)</b>	<b>263.180.426.221</b>	<b>(1.735.444.466)</b>
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.534	(822.711.534)	822.711.534	(822.711.534)
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	-	2.676.711.125	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	-	4.845.675.249	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại Vina	80.789.452.293	-	92.225.953.848	-
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Phát Triển Hưng Thịnh	72.562.342.015	-	77.129.529.297	-
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	22.287.371.757	-	17.938.339.729	-
- Nhà phân phối Đức Trung - Đồng Nai	2.343.755.994	-	3.457.203.552	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đức Thịnh	1.998.141.803	-	3.396.046.257	-
- Công ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thép Hải Phát	29.997.779.080	-	-	-
- Các đối tượng khác	73.030.544.831	(37.019.728)	59.799.860.414	(24.337.716)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan thuyết minh chi tiết tại mục 32.2</b>	<b>25.616.949.131</b>	<b>-</b>	<b>25.460.726.103</b>	<b>-</b>
	<b>288.050.071.897</b>	<b>(1.748.126.478)</b>	<b>263.180.426.221</b>	<b>(1.735.444.466)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.639.087.522</b>	<b>(400.000.000)</b>	<b>2.441.984.965</b>	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.444.088.213	-	1.676.808.726	-
- Ký cược, ký quỹ	139.502.112	-	139.502.112	-
- Kinh phí công đoàn	33.178.311	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	156.143.129	-	136.445.609	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	866.175.757	(400.000.000)	489.228.518	-
<b>Dài hạn</b>	<b>408.460.684</b>	-	<b>408.460.684</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	408.460.684	-	408.460.684	-
	<b>3.047.548.206</b>	<b>(400.000.000)</b>	<b>2.850.445.649</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2020	60.986.664.077	34.760.935.844	51.797.634.183	6.267.153.301	153.812.387.405
- Mua trong kỳ	-	1.109.280.000	2.688.900.000	-	3.798.180.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(64.708.000)	(1.634.038.000)	-	(1.698.746.000)
30/06/2020	60.986.664.077	35.805.507.844	52.852.496.183	6.267.153.301	155.911.821.405
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2020	(14.046.486.275,0)	(24.038.868.919,0)	(23.459.933.465,0)	(4.130.663.349,0)	(65.675.952.008)
- Khấu hao trong kỳ	(1.385.921.118)	(1.336.726.577)	(2.661.877.858)	(451.729.532)	(5.836.255.085)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	694.397.293	-	694.397.293
30/06/2020	(15.432.407.393)	(25.375.595.496)	(25.427.414.030)	(4.582.392.881)	(70.817.809.800)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2020	46.940.177.802	10.722.066.925	28.337.700.718	2.136.489.952	88.136.435.397
30/06/2020	45.554.256.684	10.429.912.348	27.425.082.153	1.684.760.420	85.094.011.605

Tại ngày 30/06/2020, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 50.328.697.060 đồng và 25.354.811.071 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là 20.220.334.585 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020: 19.761.958.359 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2020	3.520.000.000	3.520.000.000
30/06/2020	<u>3.520.000.000</u>	<u>3.520.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2020	(209.523.810)	(209.523.810)
- Khấu hao trong kỳ	(251.428.572)	(251.428.572)
30/06/2020	<u>(460.952.382)</u>	<u>(460.952.382)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2020	<u>3.310.476.190</u>	<u>3.310.476.190</u>
30/06/2020	<u>3.059.047.618</u>	<u>3.059.047.618</u>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2020	54.061.075.444	995.605.000	55.056.680.444
- Mua trong kỳ	-	67.454.000	67.454.000
30/06/2020	<u>54.061.075.444</u>	<u>1.063.059.000</u>	<u>55.124.134.444</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2020	(8.575.207.980)	(557.611.812)	(9.132.819.792)
- Khấu hao trong kỳ	(532.438.702)	(90.818.547)	(623.257.249)
30/06/2020	<u>(9.107.646.682)</u>	<u>(648.430.359)</u>	<u>(9.756.077.041)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2020	<u>45.485.867.464</u>	<u>437.993.188</u>	<u>45.923.860.652</u>
30/06/2020	<u>44.953.428.762</u>	<u>414.628.641</u>	<u>45.368.057.403</u>

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m<sup>2</sup> tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng. Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay là: 4.830.944.013 đồng.

Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2020 là 388.960.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
- Quyền sử dụng đất (*)	31.076.093.700	31.076.093.700
- Nhà máy mở rộng - Sơn Hà Chu Lai	52.727.273	14.625.454.546
	<b>31.128.820.973</b>	<b>45.701.548.246</b>

(\*) Bao gồm:

Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.HCM. Giá trị chuyển nhượng là 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất 1000 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.HCM. Giá trị chuyển nhượng là 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.658.636.384</b>	<b>6.650.543.186</b>
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	2.471.723.337	1.959.895.403
- Chi phí lãi vay	336.241.941	500.566.671
- Trích trước chi phí du lịch	892.740.000	-
- Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	2.345.020.800	-
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1.612.910.306	4.190.081.112
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>7.658.636.384</b>	<b>6.650.543.186</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.545.495.334</b>	<b>276.236.326</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	168.966.068	110.804.490
- Kinh phí công đoàn	101.695.038	84.893.181
- Bảo hiểm xã hội	55.435.816	-
- Bảo hiểm y tế	9.747.228	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.978.701	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	11.500.000	8.500.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.193.172.483	72.038.655
+ Cổ tức phải trả cổ đông	9.101.136.000	-
+ Các khoản phải trả khác	92.036.483	72.038.655
<b>Dài hạn</b>	<b>275.919.000</b>	<b>299.738.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	275.919.000	299.738.000
	<b>9.821.414.334</b>	<b>575.974.326</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45.455.676.785</b>	<b>45.455.676.785</b>	<b>33.286.782.027</b>	<b>33.286.782.027</b>
- Công ty TNHH Posco VST	7.570.946.182	7.570.946.182	7.152.337.272	7.152.337.272
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	319.769.580	319.769.580	5.924.414.668	5.924.414.668
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	2.821.078.688	2.821.078.688	5.168.685.260	5.168.685.260
- Công ty Cổ phần Toàn Thắng	27.710.225.800	27.710.225.800	10.823.074.864	10.823.074.864
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	1.118.487.518	1.118.487.518	451.950.774	451.950.774
- Các đối tượng khác	5.915.169.017	5.915.169.017	3.766.319.189	3.766.319.189
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>45.455.676.785</b>	<b>45.455.676.785</b>	<b>33.286.782.027</b>	<b>33.286.782.027</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết theo mục 32.2</b>	<b>32.169.433.586</b>	<b>32.169.433.586</b>	<b>22.501.373.566</b>	<b>22.501.373.566</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	766.459.322	6.227.528.155	6.291.200.188	702.787.289
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	80.514.876	80.514.876	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.011.169.726	1.627.171.188	2.517.478.175	1.120.862.739
- Thuế thu nhập cá nhân	599.356.682	326.409.559	811.705.679	114.060.562
- Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
	<b>3.376.985.730</b>	<b>8.269.623.778</b>	<b>9.708.898.918</b>	<b>1.937.710.590</b>
	<b>Tại 01/01/2020</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Tại 30/06/2020</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	222.903.577	3.528.986.249	3.462.611.565	156.528.893
	<b>222.903.577</b>	<b>3.528.986.249</b>	<b>3.462.611.565</b>	<b>156.528.893</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>376.352.175.699</b>	<b>376.352.175.699</b>	<b>407.716.260.312</b>	<b>405.910.731.114</b>	<b>374.546.646.501</b>	<b>374.546.646.501</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>369.771.288.802</b>	<b>369.771.288.802</b>	<b>404.515.887.821</b>	<b>402.847.157.118</b>	<b>368.102.558.099</b>	<b>368.102.558.099</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	123.070.760.482	123.070.760.482	123.070.766.414	124.493.441.963	124.493.436.031	124.493.436.031
- PGD Phan Văn Hớn (1)						
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	99.848.820.437	99.848.820.437	99.848.820.437	72.943.409.690	72.943.409.690	72.943.409.690
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	45.350.270.744	45.350.270.744	45.350.183.824	76.814.919.343	76.815.006.263	76.815.006.263
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (4)	101.501.437.139	101.501.437.139	136.246.117.146	128.595.386.122	93.850.706.115	93.850.706.115
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</b>	<b>5.079.637.774</b>	<b>5.079.637.774</b>	<b>2.228.976.000</b>	<b>3.063.573.996</b>	<b>5.914.235.770</b>	<b>5.914.235.770</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	502.800.000	502.800.000	86.400.000	416.400.000	832.800.000	832.800.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (8)	1.082.344.000	1.082.344.000	417.696.000	788.094.000	1.452.742.000	1.452.742.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	44.733.772	44.733.772	-	134.199.996	178.933.768	178.933.768
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (9)	3.449.760.002	3.449.760.002	1.724.880.000	1.724.880.000	3.449.760.002	3.449.760.002
<b>Nợ thuế tài chính (7)</b>	<b>1.501.249.123</b>	<b>1.501.249.123</b>	<b>971.396.491</b>	<b>-</b>	<b>529.852.632</b>	<b>529.852.632</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	1.501.249.123	1.501.249.123	971.396.491	-	529.852.632	529.852.632

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>6.446.236.632</b>	<b>6.446.236.632</b>	-	<b>3.465.298.807</b>
<b>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</b>	<b>5.916.384.000</b>	<b>5.916.384.000</b>	-	<b>8.145.360.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	626.584.000	626.584.000	-	1.044.280.000
- PGD Phan Văn Hớn (8)				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (5)	115.200.000	115.200.000	-	86.400.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (9)	5.174.600.000	5.174.600.000	-	1.724.880.000
<b>Nợ thuế tài chính (7)</b>	<b>529.852.632</b>	<b>529.852.632</b>	-	<b>1.236.322.807</b>
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	529.852.632	529.852.632	-	1.236.322.807
<b>Tổng cộng</b>	<b>382.798.412.331</b>	<b>382.798.412.331</b>	<b>407.716.260.312</b>	<b>409.376.029.921</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>382.798.412.331</b>	<b>382.798.412.331</b>	<b>407.716.260.312</b>	<b>394.458.181.940</b>

(1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 71/2019-HĐTDHM/NHCT944-SONHA ngày 08/09/2019 với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 08/09/2019 đến ngày 28/08/2020;
- Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 17/2015-HDTC-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015, Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HDTC-SH/NHCT944-SH ngày 26/10/2015, Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HDTC-SH/NHCT944-SH ngày 02/11/2015; Hợp đồng thế chấp số 236/HĐTC ngày 02/12/2016; Hợp đồng thế chấp số 237/HĐTC ngày 02/12/2016; Hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC ngày 14/03/2017; Hợp đồng thế chấp số 124/HĐTC ngày 14/06/2017 và Hợp đồng thế chấp số 130/HĐTC ngày 20/07/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/7015218/HĐTD ngày 27/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 15/07/2020;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/CV-0001/KHDN/17NH ngày 10/06/2020 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0001/KHDN/17NH ký ngày 19/01/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư Tài sản cố định;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
  - Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 002/NHNT-KD/17 tháng 19/01/2017.
- (4) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 114/2019-HĐCVHM/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 25/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, lãi suất và thời hạn cho vay quy định theo từng lần nhận nợ;
  - Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 27/11/2019 đến 22/11/2020;
  - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 66/2017/HĐTC-KHDN ngày 09/08/2017; Hợp đồng thế chấp động sản số 73-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp động sản số 74-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 081/2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015; Văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ngày 05/06/2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(5) Bao gồm các khoản vay sau:

Khoản vay theo hợp đồng số 0456/KH/15DN ký ngày 24/12/2015 số dư vay còn đến 30/06/2020 số tiền: 330.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay hoàn vốn đầu tư;
- Ngày đáo hạn: 30/12/2020;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Khuôn bồn nhựa.

Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 số dư vay còn đến 30/06/2020 số tiền: 288.000.000 đồng với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
- Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.

(6) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 139915/HĐTD-TDH/DN ngày 26/06/2015, số 142315/HĐTD-TDH/DN ngày 06/07/2015, số 163215/HĐTD-TDH/DN ngày 28/08/2015, giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Mua xe ô tô đầu tư phương tiện vận tải;
- Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày nhận vay trên các hợp đồng tín dụng;
- Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng vào ngày đầu mỗi quý.

(7) Thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.

(8) Bao gồm các khoản vay sau:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 37/2015 - HĐTD/NHCT944-SONHA-HYUNDAI ngày 26/10/2015 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn, với các điều khoản cụ thể:

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 09 xe ô tô tải Thaco Hyundai HD350;
- Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 26/10/2015;
- Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
- Tài sản đảm bảo: 06 chiếc xe tải Hyundai HD350 chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-Sonha ngày 26/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (8) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 21/2017 – HDTD/NHCT944-SONHASG ngày 14/03/2017 và phụ lục số 1 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 12 xe tải mui hiệu VEAM-VT260;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày ký hợp đồng;
  - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
  - Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HDTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và Ngân hàng.
- (9) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 206/2018-HDDCVADT/NHCT482-SONHACHULAI ký ngày 28/12/2018 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai với các điều khoản sau:
- Số tiền cam kết cho vay không vượt quá 14.000.000.000 đồng;
  - Phương thức cho vay: Cho vay theo từng lần;
  - Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án đối với hạng mục thi công xây dựng nhà xưởng, nhà văn phòng và các hạng mục phụ trợ (thuộc hạng mục xây dựng);
  - Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản Nợ đầu tiên;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
  - Tài sản bảo đảm: Theo các Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty đã ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2019</b>	<b>275.792.000.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>8.175.955.129</b>	<b>67.309.929.764</b>	<b>351.027.884.893</b>					
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	30.854.737.802				30.854.737.802	
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	27.579.200.000	-	2.148.271.600	-	(44.151.116.867)				(14.423.645.267)	
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.148.271.600	-	(2.148.271.600)				-	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(358.045.267)				(358.045.267)	
+ Trả có tức bằng tiền	-	-	-	-	(13.789.600.000)				(13.789.600.000)	
+ Chia có tức bằng phát hành cổ phiếu	27.579.200.000	-	-	-	(27.579.200.000)				-	
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018	-	-	-	-	(276.000.000)				(276.000.000)	
<b>31/12/2019</b>	<b>303.371.200.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>10.324.226.729</b>	<b>54.013.550.699</b>	<b>367.458.977.428</b>					
<b>01/01/2020</b>	<b>303.371.200.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>10.324.226.729</b>	<b>54.013.550.699</b>	<b>367.458.977.428</b>					
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	9.024.514.815				9.024.514.815	
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ này (*)	-	-	1.851.284.268	-	(11.536.967.646)				(9.685.683.378)	
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.234.189.512	-	(1.234.189.512)				-	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	617.094.756	-	(617.094.756)				-	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(308.547.378)				(308.547.378)	
+ Chia có tức bằng tiền	-	-	-	-	(9.101.136.000)				(9.101.136.000)	
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019	-	-	-	-	(276.000.000)				(276.000.000)	
<b>30/06/2020</b>	<b>303.371.200.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>12.175.510.997</b>	<b>51.501.097.868</b>	<b>366.797.808.865</b>					

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết 24/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của Đại hội đồng Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	45.450.240.000	45.450.240.000
Ông Lê Hoàng Hà	26.118.400.000	26.118.400.000
Các Cổ đông khác	231.802.560.000	231.802.560.000
	<b>303.371.200.000</b>	<b>303.371.200.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	303.371.200.000	275.792.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	303.371.200.000	275.792.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	11.536.967.646	16.571.916.867

**18.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.337.120	30.337.120
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.337.120	30.337.120
+ Cổ phiếu phổ thông	30.337.120	30.337.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.337.120	30.337.120
+ Cổ phiếu phổ thông	30.337.120	30.337.120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**18.5 CÁC QUỸ**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.175.510.997	10.324.226.729

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	449.348.837.425	385.674.749.604
Doanh thu cung cấp dịch vụ	211.118.135	591.104.568
	<u>449.559.955.560</u>	<u>386.265.854.172</u>
Doanh thu với các bên liên quan chi tiết tại mục 32.2	3.652.988.899	13.624.806.639

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chiết khấu thương mại	19.287.889.717	14.038.897.348
Hàng bán bị trả lại	3.905.471.034	2.174.453.049
	<u>23.193.360.751</u>	<u>16.213.350.397</u>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	358.362.883.498	310.462.313.149
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.402.840	31.006.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.390.909.091	-
	<u>359.775.195.429</u>	<u>310.493.319.271</u>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.904.111	87.305.513
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.986.101	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.427.043.153	1.348.042.900
	<u>1.472.933.365</u>	<u>1.435.348.413</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	13.182.998.019	12.428.635.224
Lãi trả chậm	-	27.109.706
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	365.837.120	182.339.042
	<b>13.548.835.139</b>	<b>12.638.083.972</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>12.405.411.090</b>	<b>10.115.967.690</b>
Chi phí nhân viên	3.754.291.224	3.363.879.280
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.583.354	129.374.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.488.961.661	1.487.841.473
Chi phí dự phòng	412.682.012	-
Chi phí thuế	25.855.000	8.496.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.821.129.422	2.098.225.548
Chi phí quản lý khác	3.789.908.417	3.028.150.201
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>31.905.010.386</b>	<b>26.061.272.256</b>
Chi phí nhân viên	21.447.347.025	14.418.843.441
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	945.333.152	626.690.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.190.387.643	2.211.057.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.565.067.900	4.382.353.871
Chi phí bán hàng khác	4.756.874.666	4.422.326.733

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu tiền cho thuê tài sản	175.121.940	79.721.940
Các khoản khác	567.490.780	1.200.828.990
	<b>742.612.720</b>	<b>1.280.550.930</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	752.530.525	-
Các khoản chi phí khác	11.926.256	69.706.656
	<b>764.456.781</b>	<b>69.706.656</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.183.232.069</b>	<b>13.390.053.273</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>339.813.860</b>	<b>201.974.288</b>
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	318.748.801	181.438.400
- Các khoản chi phí (phạt)	19.665.059	13.400.000
- Các khoản chi phí không hợp lý khác	1.400.000	7.135.888
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>(9.020.890.378)</b>	<b>(795.285.154)</b>
- Lợi nhuận Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai giữ lại	(9.018.895.976)	(795.285.154)
- Lỗ của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	(1.994.402)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>19.543.936.307</b>	<b>14.387.312.715</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Lợi nhuận chịu thuế 5%	14.233.880.930	4.629.266.517
- Lợi nhuận chịu thuế 20%	5.310.055.377	9.758.046.198
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.773.705.122</b>	<b>2.183.072.566</b>
Điều chỉnh thuế theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP sửa đổi cho Nghị định 20/2017/NĐ-CP	(146.533.933)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.627.171.188</b>	<b>2.183.072.566</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai chưa bán ra bên ngoài	279.068.667	451.806.211
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bán cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chưa bán ra bên ngoài	9.876.087.968	-
<b>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</b>	<b>10.155.156.635</b>	<b>451.806.211</b>
<b>Trong đó:</b>		
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	279.068.667	451.806.211
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 5%	9.876.087.968	-
<b>Thuế TNDN hoãn lại ước tính</b>	<b>(549.618.131)</b>	<b>(90.361.242)</b>
Thuế TNDN hoãn lại kỳ trước	81.164.197	3.170.590
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(468.453.934)</b>	<b>(87.190.652)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**29.1 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	30.337.120	27.579.200
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>30.337.120</b>	<b>27.579.200</b>

**29.2 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.024.514.815	11.294.171.359
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	112.941.714
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	30.337.120	27.579.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>297</b>	<b>405</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2020 số 24/2020/SHA ngày 28/04/2020. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 là 405 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất trước điều chỉnh là 410 VND/CP).

**30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.024.514.815	11.294.171.359
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	112.941.714
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	30.337.120	27.579.200
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (**)	1.516.856	2.757.920
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>283</b>	<b>369</b>

(\*) Lãi suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2020 số 24/2020/SHA ngày 28/04/2020. Theo đó, chỉ tiêu lãi suy giảm trên cổ phiếu cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 là 369 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất trước điều chỉnh là 372 VND/CP).

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2020 số 24/2020/SHA ngày 28/04/2020, Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% trên mệnh giá. Vì vậy, tổng số cổ phiếu phổ thông Công ty dự kiến phát hành thêm là 1.516.856 cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	108.327.702.021	79.374.587.187
Chi phí nhân công	29.251.389.027	20.926.945.464
Khấu hao tài sản cố định	6.710.940.906	7.016.981.119
Chi phí dự phòng	1.803.591.103	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.360.536.646	7.157.284.593
Chi phí bằng tiền khác	9.393.264.295	7.697.858.511
	<b>161.847.423.998</b>	<b>122.173.656.874</b>

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Tại 30/06/2020	Tại 01/01/2020
Ngoại tệ các loại + USD	84.122,91	29.066,88

**32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là Phó Chủ tịch
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI

**Thu nhập của Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	230.875.000	230.612.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	276.000.000	276.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan**

	Tại 30/06/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>25.616.949.131</b>	<b>25.460.726.103</b>
- Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	2.676.711.125
- Công ty Cổ Phần ĐTPT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	4.845.675.249
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	22.287.371.757	17.938.339.729
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>32.169.433.586</b>	<b>22.501.373.566</b>
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	199.872.000	133.248.000
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	319.769.580	5.924.414.668
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	2.821.078.688	5.168.685.260
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	1.118.487.518	451.950.774
- Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	27.710.225.800	10.823.074.864
<b><u>Giao dịch với các bên liên quan</u></b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà</b>	<b>101.127.270</b>	<b>69.765.470</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	9.198.200
Đi thuê tài sản	60.567.270	60.567.270
Bán hàng hóa	40.560.000	-
<b>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà</b>	<b>-</b>	<b>11.723.652.400</b>
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	11.723.652.400
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>	<b>4.803.273.820</b>	<b>19.579.335.551</b>
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	10.920.649	-
Chiết khấu thương mại	62.268.586	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	4.730.084.585	19.579.335.551
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>	<b>92.004.059.911</b>	<b>79.116.901.639</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	84.270.369.048	77.689.136.799
Chiết khấu thương mại	6.195.409.037	-
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	31.516.733	-
Chiết khấu thanh toán	1.427.043.153	1.348.042.900
Cho thuê tài sản	79.721.940	79.721.940
<b>Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà</b>	<b>4.858.661.630</b>	<b>4.108.481.937</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	4.858.661.630	4.108.481.937
Hàng hóa trả lại	24.520.100	-
<b>Công ty Cổ Phần Toàn Thắng</b>	<b>219.954.041.834</b>	<b>16.086.239.239</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	219.954.041.834	14.185.085.000
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	3.632.164.239	1.901.154.239
Thanh lý tài sản	70.000.000	-
Cho thuê tài sản	95.400.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

*Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	226.942.468.232	199.424.126.577	426.366.594.809
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>226.942.468.232</b>	<b>199.424.126.577</b>	<b>426.366.594.809</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	51.400.741.317	15.190.658.063	66.591.399.380
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(44.310.421.476)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>22.280.977.904</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.472.933.365
Chi phí tài chính			(13.548.835.139)
Thu nhập khác			742.612.720
Chi phí khác			(764.456.781)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.627.171.188)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			468.453.934
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>9.024.514.815</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	186.839.752.784	183.212.750.991	370.052.503.775
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>186.839.752.784</b>	<b>183.212.750.991</b>	<b>370.052.503.775</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	54.443.600.042	5.115.584.462	59.559.184.504
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(36.177.239.946)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>23.381.944.558</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			1.435.348.413
Chi phí tài chính			(12.638.083.972)
Thu nhập khác			1.280.550.930
Chi phí khác			(69.706.656)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.183.072.566)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			87.190.652
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>11.294.171.359</b>

**32.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**32.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét.



**Ngô Thị Thanh Lan**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2020

**Nguyễn Văn Dũng**  
 Kế toán trưởng

**Trần Thị Thu Hạnh**  
 Người lập